

NHU CẦU VÀ THÁCH THỨC TRONG THỰC HIỆN BẢO VỆ LỢI ÍCH CÔNG CỘNG THEO CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

NGUYỄN THU HƯƠNG*

Trong bối cảnh Việt Nam tham gia ngày càng sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do (FTAs) thế hệ mới với các cam kết toàn diện và tiêu chuẩn cao về đầu tư, việc thực hiện các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng trở thành nhu cầu bảo đảm phát triển bền vững, giữ vững chủ quyền điều chỉnh của Nhà nước và thực hiện hiệu quả các mục tiêu quản trị quốc gia. Tuy nhiên, quá trình thực thi cam kết cũng đặt ra nhiều thách thức đối với Việt Nam, đặc biệt là yêu cầu cân bằng giữa nghĩa vụ bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài theo FTAs và quyền ban hành các chính sách công để bảo vệ lợi ích công cộng. Bài viết làm rõ nhu cầu bảo vệ lợi ích công cộng của Việt Nam trong bối cảnh mới, cũng như thách thức pháp lý trong thực hiện bảo vệ lợi ích công cộng theo các cam kết quốc tế về đầu tư.

Từ khóa: Nhu cầu; thách thức; cam kết quốc tế; thực thi; bảo vệ lợi ích công cộng; quyền điều chỉnh; FTAs.

As Viet Nam increasingly participates in new-generation free trade agreements (FTAs) with comprehensive and high-standard investment commitments, implementing measures to protect public interests has become necessary to ensure sustainable development, safeguard the State's right to regulate, and effectively achieve national governance objectives. However, implementing these commitments also poses significant challenges for Viet Nam, particularly the need to balance obligations to protect foreign investors under FTAs with the right to promulgate public policies to protect public interests. The article clarifies Viet Nam's need to protect public interests in this new context and examines the legal challenges of doing so under international investment commitments.

Keywords: Need; challenges; international commitments; implementation; protection of public interests; right to regulate; FTAs.

NGÀY NHẬN: 02/3/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/8/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 18/9/2026

Email: huonglk7@yahoo.com.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.369.2026.1627>

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là thành viên của FTAs song phương và khu vực, trong đó có FTAs thế hệ mới, như: CPTPP, EVFTA, UKVFTA và RCEP. Không chỉ thúc đẩy tự do hóa thương mại và

đầu tư, FTAs này còn thiết lập các tiêu chuẩn pháp lý cao về môi trường, lao động, phát triển bền vững và bảo hộ đầu tư. Theo đó, các

* TS, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

cam kết bảo vệ không gian pháp lý của Nhà nước đối với việc ban hành các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng cũng được ghi nhận.

Bảo vệ lợi ích công cộng là một trong những vấn đề phức tạp của pháp luật đầu tư quốc tế. Mặc dù quốc gia tiếp nhận đầu tư được quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng nhưng việc thực hiện các biện pháp này phải phù hợp với các nghĩa vụ bảo hộ đầu tư theo cam kết. Đồng thời, cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và Nhà nước (ISDS) cho phép nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện quốc gia tiếp nhận đầu tư nếu cho rằng các biện pháp đó vi phạm các cam kết.

Việc thực thi FTAs thế hệ mới ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy cải cách thể chế và nâng cao năng lực hội nhập của nền kinh tế. Theo Cục Thống kê (Bộ Tài chính, 2025): xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,3%/năm thời kỳ 2013 - 2025, cụ thể: tăng từ 132 tỷ USD năm 2013 lên 475,04 tỷ USD năm 2025. Tuy nhiên, những thành tựu này cũng đặt Việt Nam trước nhiều sức ép mới đối với công tác quản trị quốc gia và bảo đảm lợi ích công cộng. Báo cáo thẩm tra về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế cho thấy, Việt Nam có 32 vụ kiện tranh chấp đầu tư quốc tế đã khởi kiện và bị đe dọa khởi kiện (nhưng chưa có vụ kiện nào theo cơ chế ISDS được áp dụng điều khoản bảo vệ lợi ích công cộng theo các điều ước quốc tế về đầu tư mà Việt Nam là thành viên). Trong đó, vụ tranh chấp đầu tư quốc tế được khởi kiện căn cứ theo Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Hà Lan năm 1994 đã kết thúc bằng một phán quyết bất lợi cho Việt Nam (Berfu Beysulen Angin, 2025, tr. 20-30).

Như vậy, nhu cầu chủ động sử dụng các công cụ pháp lý để can thiệp thông qua việc ban hành các tiêu chuẩn môi trường, quy

chuẩn kỹ thuật, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, chuyển đổi xanh... để bảo vệ lợi ích công cộng là cấp thiết; đồng thời là những lĩnh vực được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Tuy nhiên, Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức khi Nhà nước phải bảo đảm lợi ích công cộng, duy trì môi trường đầu tư ổn định và tuân thủ các cam kết quốc tế, trong khi ranh giới giữa điều chỉnh chính sách hợp pháp và biện pháp có thể bị coi là vi phạm cam kết khi không rõ ràng.

2. Nhu cầu bảo vệ lợi ích công cộng của Việt Nam trong bối cảnh mới

2.1. Nhu cầu nội tại bảo đảm phát triển bền vững trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

Cam kết quốc tế về đầu tư là cam kết về quyền và nghĩa vụ giữa các nước thành viên nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến các khoản đầu tư xuyên biên giới. Các cam kết này được thiết lập nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc xác lập các quyền và nghĩa vụ của quốc gia tiếp nhận đầu tư và nhà đầu tư.

Mặc dù khái niệm “lợi ích công cộng” chưa được định nghĩa thống nhất trong các điều ước đầu tư quốc tế nhưng đã được ghi nhận thông qua nhiều cơ chế ngoại lệ và nguyên tắc pháp lý khác nhau. Về cơ bản, lợi ích công cộng là một trong những ngoại lệ hay biện pháp phòng vệ phổ biến được các nước sử dụng để áp dụng quyền trị an bao gồm tập hợp các quyền lực mang tính chủ quyền liên quan đến duy trì trật tự công cộng, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường... (Catharine Titi, 2014, tr. 281).

Đầu tư nước ngoài đem lại lợi ích kinh tế nhưng cũng có thể làm phát sinh rủi ro đối với an ninh quốc gia, môi trường... của quốc gia tiếp nhận đầu tư. Vì vậy, các nước vẫn tăng cường các công cụ pháp lý nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ lợi ích công cộng song song với việc mở cửa đầu tư. Theo xu hướng

đó, FTAs thế hệ mới đã bổ sung các điều khoản khẳng định quyền điều chỉnh của Nhà nước, quyền ban hành các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ lợi ích công cộng của quốc gia thành viên (Chương 9 CPTPP, Chương 2 và Chương 4 EVIPA, Chương 10 RCEP, Chương 2 và 8 UKVFTA; các phụ lục của FTAs). Trong đó: RCEP không thiết lập cơ chế ISDS; CPTPP thiết lập cơ chế trọng tài theo mô hình truyền thống và hiện đang có hiệu lực đối với Việt Nam; EVIPA thiết lập một cơ quan giải quyết tranh chấp thường trực (Tribunal) với Hội đồng xét xử hai cấp (Hội đồng xét xử sơ thẩm và phúc thẩm). Tuy nhiên, EVIPA hiện chưa có hiệu lực vì thủ tục phê chuẩn chưa hoàn tất ở các bên có liên quan.

Biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng trong FTAs thường được thiết kế theo các loại hình sau: cơ chế loại trừ hành vi tước đoạt tài sản gián tiếp; cơ chế loại trừ trong các tiêu chuẩn xác định nghĩa vụ đối xử công bằng và thỏa đáng; cơ chế tự động loại trừ trách nhiệm pháp lý và các điều khoản ngoại lệ. Điều này cho thấy, bảo vệ lợi ích công cộng không chỉ là ngoại lệ mà còn là xu hướng phát triển của pháp luật đầu tư quốc tế hiện đại. UNCTAD coi đây là định hướng cải cách chính sách đầu tư quốc tế theo hướng phát triển bền vững và bảo đảm không gian chính sách cho Nhà nước (UNCTAD, 05/5/2026).

Theo nguyên lý của Nhà nước pháp quyền, lợi ích công cộng là cơ sở chính đáng để Nhà nước ban hành các chính sách và biện pháp quản lý nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, sức khỏe cộng đồng, môi trường... Từ góc độ quản trị quốc gia, việc thực thi các cam kết về bảo vệ lợi ích công cộng theo FTAs thế hệ mới không chỉ là nghĩa vụ bắt buộc và có tính ràng buộc về mặt pháp lý đối với các nước thành viên mà còn là nhu cầu tự thân để bảo đảm sự phát triển bền vững của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.2. Nhu cầu làm chủ quyền điều chỉnh của Nhà nước

Một trong những quyền năng quan trọng nhất của mỗi quốc gia là có quyền đưa ra biện pháp hoặc chính sách nhằm bảo vệ những lợi ích công cộng. Quyền này được hình thành trên cơ sở học thuyết quyền trị an của Nhà nước. Đây là một trong những học thuyết nền tảng của pháp luật đầu tư quốc tế hiện đại và đã được ghi nhận rộng rãi trong thực tiễn giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Trong bối cảnh FTAs thế hệ mới thiết lập những tiêu chuẩn bảo hộ đầu tư ở mức độ cao hơn, việc duy trì và làm chủ quyền điều chỉnh của Nhà nước trở thành một yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm cân bằng giữa nghĩa vụ bảo hộ nhà đầu tư nước ngoài với quyền thực hiện các chính sách công, vì lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng. Nội dung về bảo vệ lợi ích công cộng trong các cam kết FTAs là công cụ bảo vệ quyền điều chỉnh giúp các quốc gia thành viên như Việt Nam tránh được các cáo buộc vi phạm cam kết khi thực hiện quyền để bảo vệ lợi ích chính đáng và hợp pháp.

Đối với Việt Nam, nhu cầu làm chủ quyền điều chỉnh của Nhà nước trước hết được thể hiện thông qua quá trình nội luật hóa các cam kết quốc tế về đầu tư, trong đó bao gồm bảo vệ lợi ích công cộng và xây dựng khuôn khổ pháp lý thực hiện FTAs. Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành của Việt Nam đã sửa đổi, ban hành các luật, nghị định và các quyết định để thực thi cam kết. Trong đó, Nghị quyết số 20/2026/QH16 ngày 23/4/2026 của Quốc hội khóa XVI đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy quản trị của Việt Nam, từ cơ chế xử lý tranh chấp sang cơ chế chủ động phòng ngừa rủi ro pháp lý phát sinh từ các cam kết đầu tư quốc tế. Việc phòng ngừa ISDS phải là một quá trình chủ động kiểm soát rủi ro ngay từ địa phương thông qua việc giải quyết các

khuyến nài của nhà đầu tư nước ngoài, thay vì bị động khi tranh chấp.

Kết quả nội luật hóa cho thấy, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc thể chế hóa quyền điều chỉnh của Nhà nước phù hợp với các tiêu chuẩn của pháp luật đầu tư quốc tế. Đây chính là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo đảm sự đồng bộ giữa pháp luật trong nước và các nghĩa vụ Việt Nam thực hiện cam kết FTAs nói chung và bảo vệ lợi ích công cộng nói riêng.

3. Thách thức trong thực hiện bảo vệ lợi ích công cộng theo các cam kết quốc tế về đầu tư của Việt Nam

Thực hiện các cam kết quốc tế về đầu tư theo FTAs thế hệ mới cũng đặt ra nhiều thách thức và các bất cập thể chế với việc bảo vệ lợi ích công cộng. Việt Nam phải bảo đảm các nghĩa vụ pháp lý, như: tuân thủ các quy tắc tự do hóa và thực thi các ngoại lệ về bảo vệ lợi ích công cộng. Những thách thức này không chỉ xuất phát từ sự khác biệt giữa pháp luật quốc gia và pháp luật đầu tư quốc tế mà còn bắt nguồn từ yêu cầu ngày càng cao của FTAs thế hệ mới đối với tính minh bạch, tính dự báo, chất lượng quản trị công và năng lực thực thi của quốc gia thành viên. Cụ thể:

Thứ nhất, thách thức trong việc cân bằng giữa nghĩa vụ bảo hộ đầu tư và quyền điều chỉnh của Nhà nước.

Một trong những vấn đề cốt lõi của pháp luật đầu tư quốc tế hiện đại là bảo đảm sự cân bằng giữa: bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài với quyền của quốc gia tiếp nhận đầu tư trong việc ban hành các chính sách công vì lợi ích công cộng. Mặc dù FTAs thế hệ mới đều ghi nhận quyền điều chỉnh của Nhà nước nhưng quyền này không mang tính tuyệt đối mà phải được thực hiện trong khuôn khổ các nghĩa vụ quốc tế về bảo hộ đầu tư. Thực tiễn giải quyết tranh chấp tại ICSID cho thấy, nhiều quốc gia đã phải dành nguồn lực rất

lớn để bảo vệ các chính sách công, mặc dù mục tiêu của các chính sách này hoàn toàn chính đáng. Đây là thách thức mà Việt Nam cần tính đến trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật nhằm bảo đảm thực thi cam kết.

Thứ hai, thách thức từ sự chưa hoàn thiện của hệ thống pháp luật về bảo vệ lợi ích công cộng.

Mặc dù kết quả nội luật hóa cho thấy, cơ sở pháp lý bảo vệ lợi ích công cộng tương thích với các cam kết quốc tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số những nội dung chưa đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro pháp lý, như: thuật ngữ “lợi ích công cộng” được sử dụng trong nhiều đạo luật của Việt Nam nhưng đến nay pháp luật Việt Nam vẫn chưa xây dựng được một khái niệm pháp lý thống nhất cũng như hệ thống tiêu chí xác định cụ thể nội hàm của lợi ích công cộng. Việc này làm ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình áp dụng pháp luật và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế. Cơ quan nhà nước có thể gặp khó khăn trong việc chứng minh biện pháp quản lý được ban hành thực sự nhằm mục tiêu bảo vệ lợi ích công cộng và đáp ứng các yêu cầu cam kết quốc tế. Bởi, khi việc diễn giải lợi ích công cộng phải phụ thuộc vào góc nhìn chủ quan của trọng tài quốc tế sẽ tiềm ẩn rủi ro pháp lý. Theo phán quyết trọng tài vụ kiện Philip Morris v. Uruguay (ICSID Case No. ARB/10/7, Award, 2016), Nhà nước thắng kiện nhờ hội đồng trọng tài thừa nhận thẩm quyền điều chỉnh quản lý y tế.

Điều 12 Luật Đầu tư năm 2025 đã trao cho nhà đầu tư quyền được bảo toàn lợi ích khi pháp luật thay đổi theo hướng bất lợi. Trong khi khoản 2 Điều 2.2 EVIPA, vốn phủ nhận rằng, nhà đầu tư có kỳ vọng được bảo hộ về sự ổn định của khuôn khổ pháp lý. Vậy quy định này ở vùng trung gian giữa cam kết cụ thể và khuôn khổ pháp luật chung. Do đó, đã cung cấp chất liệu chứng minh cho lập luận về kỳ vọng chính đáng mà chính EVIPA đã cố gắng loại trừ. Việt Nam cần ban hành

hướng dẫn về áp dụng khoản 3 Điều 12 để làm rõ phạm vi của các căn cứ loại trừ, qua đó, giảm bớt tính bất định trong cách hiểu quy định này.

Ngoài ra, Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật phù hợp với các cam kết quốc tế với tư duy: pháp luật phải đủ linh hoạt, phải có tính dự đoán được để điều chỉnh các rủi ro mới. Tính dự đoán đòi hỏi sự thay đổi pháp luật cần phải có lộ trình, có tham vấn, có đánh giá tác động và hạn chế tối đa sự tùy tiện trong thực hiện sẽ là cơ sở quan trọng để Nhà nước thực sự làm chủ quyền điều chỉnh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, thách thức từ hiện tượng “đóng băng chính sách”.

Thực hiện các hiệp định đầu tư hiện đại là hiện tượng tâm lý e ngại của cơ quan nhà nước khi ban hành hoặc sửa đổi chính sách do lo ngại nguy cơ bị nhà đầu tư nước ngoài khởi kiện thông qua cơ chế ISDS. Từ thực tiễn vụ kiện Vattenfall v. Germany (I) khi tập đoàn Vattenfall (Thụy Điển) đã khởi kiện Chính phủ Đức ra trọng tài ICSID đòi bồi thường 1,4 tỷ EUR. Để tránh rủi ro tài chính này, theo phán quyết ghi nhận thỏa thuận hòa giải của các bên vụ kiện, Chính phủ CHLB Đức đã phải ký một thỏa thuận hòa giải ngầm, chấp nhận hạ thấp các quy chuẩn bảo vệ môi trường để nhà máy được tiếp tục vận hành (UNCTAD.nd, 2026). Vụ kiện cho thấy, nếu các cơ quan quản lý nhà nước quá thận trọng trong việc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật mới và các quy định kiểm soát chặt chẽ để bảo vệ môi trường... nhằm tránh nguy cơ tranh chấp quốc tế thì quyền điều chỉnh của Nhà nước trên thực tế sẽ bị thu hẹp. Do đó, mục tiêu của quyền điều chỉnh nên được xác định không chỉ là nâng cao năng lực nhận diện rủi ro nói chung mà còn là nâng cao năng lực thiết kế biện pháp có khả năng chống chịu khiếu kiện, để cơ quan quản lý có cơ sở tự tin ban hành chính sách thay vì né tránh.

Thứ tư, thách thức về chất lượng thể chế và năng lực thực thi.

FTAs thế hệ mới không chỉ yêu cầu quốc gia thành viên sửa đổi pháp luật mà còn đòi hỏi nâng cao chất lượng quản trị công, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn bộ quá trình thực hiện cam kết. Nghĩa vụ thực thi cam kết bảo vệ lợi ích công cộng đòi hỏi các biện pháp được ban hành phải dựa trên tính cần thiết, chính đáng có cơ sở khoa học và minh bạch. Điều này đặt ra yêu cầu cao đối với năng lực của hệ thống cơ quan nhà nước trong việc đánh giá tác động chính sách (RIA). Cùng với việc xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng khoa học, thực hiện tham vấn đầy đủ với các chủ thể chịu tác động và thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả, Việt Nam cần bổ sung quy định đánh giá tác động pháp lý đối với cam kết đầu tư quốc tế như một thủ tục bắt buộc trong quy trình RIA để bảo đảm mọi quyết định điều chỉnh đều là kết quả của chứng cứ khoa học và quy trình minh bạch.

Công tác giám sát, đánh giá và báo cáo việc thực thi FTAs cần được chuẩn hóa và chuyên nghiệp hóa. Điều này vừa nhằm bảo đảm tuân thủ cam kết trong FTAs vừa góp phần phát hiện sớm các nguy cơ phát sinh tranh chấp cũng như nâng cao chất lượng hoạch định chính sách của Việt Nam phù hợp với thực tiễn. Trách nhiệm giải trình theo cam kết FTAs thế hệ mới không chỉ thuộc về cơ quan trung ương mà còn liên quan đến địa phương, doanh nghiệp... và các chủ thể xã hội. Việc triển khai hiệu quả Nghị quyết số 20/2026/QH16 về quy định ràng buộc trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu chính quyền địa phương đối với các quyết định hành chính sẽ góp phần loại bỏ các sai sót quy trình hành chính ở cấp tỉnh, vốn là nguyên nhân phổ biến mà nhà đầu tư nước ngoài quy buộc Việt Nam vi phạm cam kết.

Thứ năm, thách thức về nguồn nhân lực và năng lực phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.

Bảo vệ lợi ích công cộng trong bối cảnh hội nhập đã trở thành vấn đề liên ngành, đòi hỏi sự kết hợp giữa pháp luật quốc tế, tài chính công, chính sách công, quản trị quốc gia... Khi Nhà nước ban hành các biện pháp nhằm điều chỉnh hoạt động đầu tư để bảo vệ lợi ích công cộng thì rủi ro có thể gặp phải là các biện pháp này có thể bị diễn giải là vi phạm đến các tiêu chuẩn bảo hộ cốt lõi của nhà đầu tư. Hệ quả là quốc gia tiếp nhận đầu tư có nguy cơ phải đối mặt với các vụ tranh chấp pháp lý quốc tế phức tạp và tốn kém tại các cơ quan tài phán quốc tế (Berfu Beysulen Angin, 2025, tr.20-30). Mặc dù Nghị quyết 20/2026/QH16 được ban hành với mục tiêu chuyển từ thể bị động xử lý tranh chấp sang chủ động phòng ngừa, nhận diện và quản trị rủi ro pháp lý từ sớm. Nhưng để phát huy hiệu quả trên thực tế, Việt Nam cần đội ngũ chuyên gia chất lượng trong lĩnh vực pháp luật đầu tư quốc tế, trọng tài đầu tư và giải quyết tranh chấp ISDS. Cần tăng cường công tác đào tạo chuyên môn sâu cho đội ngũ cán bộ nhằm chủ động kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật.

4. Kết luận

Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á đến năm 2030. Tiến trình này sẽ tác động đến yêu cầu đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về thực thi FTAs trong tình hình mới. Việc nhận diện rõ nhu cầu, thách thức và thực hiện một cách thiện chí các nghĩa vụ thành viên khi áp dụng các biện pháp bảo vệ lợi ích công cộng, Việt Nam không chỉ là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư quốc tế mà còn thực hiện được chủ quyền pháp lý. Điều này góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW; đồng thời, tận dụng

hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của quốc tế, tăng cường năng lực xử lý tốt các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trong giai đoạn phát triển mới□

Tài liệu tham khảo:

- Bài viết thuộc nghiên cứu của Đề tài cấp bộ: “Bảo vệ lợi ích công cộng trong các cam kết quốc tế về đầu tư của Việt Nam”. Viện Nhà nước và Pháp luật - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Berfu Beysulen Angin (2025). The Right to Regulate vs Investment Protection: Unveiling the Causes of Imbalance and the Limits of Current Reform Efforts in International Investment Law”. *ICSID Review - Foreign Investment Law Journal*, Vol. 40, Issue 1, tr. 20 - 30, <https://doi.org/10.1093/icsidreview/siaf007>
- Bộ Chính trị (2025). Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
- Catharine Titi (2014). *The Right to Regulate in International Investment Law*. Hart Publishing, 2014, 81.
- Kyla Tienhaara (2018). *Regulatory Chill in a Warming World: The Threat to Climate Policy Posed by Investor-State Dispute Settlement*. *Transnational Environmental Law* 229.
- Quốc hội (2026). Nghị quyết số 20/2026/QH16 ngày 23/4/2026 về cơ chế phối hợp, chính sách đặc thù nâng cao hiệu quả phòng ngừa và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.
- UNCTAD (2019). *Investment Dispute Settlement Navigator*, Trinh Vinh Binh and Binh Chau JSC v. Viet Nam (II) (PCA Case No. 2015-23).
- UNCTAD (2026). *Vattenfall v. Germany (I)* Vattenfall AB, Vattenfall Europe AG, Vattenfall Europe Generation AG v. Federal Republic of Germany (I) (ICSID Case No. ARB/09/6) <https://investmentpolicy.unctad.org/investment-dispute-settlement/cases/329/vattenfall-v-germany-i>
- UNCTAD (2026). *Investment Policy Framework for Sustainable Development (United Nations 2015)*. https://unctad.org/system/files/official-document/diaepcb2015d5_en.pdf